

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày

tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo
Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá hoa màu,
cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 71/TTr-SNNPTNT ngày 28 tháng 3 năm 2022; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 624/BC-STP ngày 25 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ- UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Sửa đổi, bổ sung Mục IV Phụ lục I như sau:

IV - Cây lấy gỗ khác, cây cảnh trồng dưới đất.

STT	Loại cây trồng	ĐVT	Phương pháp tính giá
1	Cây tre, cây dương, cây gió bầu, cây cao su, cây me tây và những loại cây bóng mát được trồng đơn lẻ không nằm trong danh mục tại số thứ tự 5 và 6 mục III, Cây lâm nghiệp - Phụ lục I	đồng/cây	Tính theo thực tế
2	Cây cảnh trồng dưới đất (cây hoa mai, bông giấy và các loại cây cảnh khác)	đồng/cây	Tính theo thực tế

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II - Đơn giá giàn đỡ các loại cây trồng, như sau: đính kèm Phụ lục II.

3. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV - Đặc tính cây trồng và các quy định được áp dụng, như sau: đính kèm Phụ lục IV.

4. Bổ sung phụ lục V - Phương pháp xác định cây trồng chính, cây trồng phụ trên cùng 01 thửa đất, như sau: đính kèm Phụ lục V.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

2. Các nội dung khác về bảng giá hoa màu, cây trồng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh không sửa đổi, bổ sung trong Quyết định này vẫn tiếp tục

có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TCDNC, VXNV, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam

Phụ lục II

ĐƠN GIÁ GIÀN ĐỠ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG VÀ MỘT SỐ LOẠI THIẾT BỊ GẮN LIỀN ĐỂ HỖ TRỢ CÂY TRỒNG SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỒNG RUỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày /4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Đơn giá giàn nho, giàn táo.
 - a) Đơn giá giàn cây nho: 200.000.000 đồng/ha, tương đương 20.000 đồng/m².
 - b) Đơn giá giàn cây táo: 147.000.000 đồng/ha, tương đương 14.700 đồng/m².
2. Đơn giá giàn đờ các loại cây trồng khác.
 - a) Đơn giá giàn bầu, bí mướp: 55.000.000 đồng/ha, tương đương 5.500 đồng/m².
 - b) Đơn giá giàn hoa thiên lý, mướp đắng, dưa leo, dưa lê, dưa lưới (*choái đờ cây*): 66.000.000 đồng/ha, tương đương 6.600 đồng/m².
 - c) Đơn giá giàn đờ măng tây xanh: 80.000.000 đồng/ha, tương đương 8.000 đồng/m².
3. Hỗ trợ, bồi thường lưới bao trùm gắn liền với vườn cây nho, táo và các loại cây trồng khác: Theo giá thực tế tại thời điểm định giá để thu hồi đất.
4. Hỗ trợ, bồi thường các thiết bị tưới tiết kiệm nước gắn liền với vườn cây trồng: Theo giá thực tế tại thời điểm định giá để thu hồi đất.
5. Hỗ trợ, bồi thường các loại nhà lưới, nhà màng: Theo giá thực tế tại thời điểm định giá để thu hồi đất.

Phụ lục IV

ĐẶC TÍNH CÂY TRỒNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH ĐƯỢC ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày /4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Điểm đo đường kính thân cây được xác định trong khoảng cách mặt đất từ 0,5 - 1m.

2. Đối với cây cảnh, cây xanh tạo cảnh quan và các loại cây khác di chuyển được thì không bồi thường, chỉ tính chi phí di dời và trồng lại.

3. Tại thời điểm thu hồi đất, nếu xuất hiện trường hợp đặc biệt có biến động tăng giá đột xuất của các loại cây trồng nông nghiệp tại mục I và II - Phụ lục I, so với bảng giá hoa màu từ 50% trở lên (do lạm phát tăng giá, các dịp lễ, tết); hoặc xuất hiện trường hợp cây trồng nông nghiệp mới chưa có trong danh mục tại bảng giá hoa màu..., Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố (gồm có các cơ quan chuyên môn cấp huyện, thành phố) thẩm định giá tại thời điểm kiểm kê, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành có liên quan có ý kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

4. Đối với nhóm cây lâm nghiệp:

a) Khối lượng gỗ củi, được tính theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

b) Điều tra, kiểm đếm số lượng gỗ và các sản phẩm theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

c) Hội đồng bồi thường các huyện, thành phố căn cứ nội dung quy định tại Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định tại Quyết định này để tính toán giá trị các loại sản phẩm cây trồng lâm nghiệp (gỗ, củi, lá hạt, mù) theo thực tế tại thời điểm thu hồi đất để hỗ trợ bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất.

Phụ lục V

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CÂY TRỒNG CHÍNH, CÂY TRỒNG PHỤ TRÊN CÙNG 1 THỬA ĐẤT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày /4/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

1. Trường hợp trên cùng diện tích đất trồng cây nông nghiệp lâu năm có thiết kế đúng kỹ thuật canh tác (đúng quy định về mật độ cây trồng) có trồng cây hàng năm dưới tán thì cây lâu năm được tính là cây trồng chính.

2. Trường hợp trên cùng diện tích đất trồng nhiều loại cây nông nghiệp lâu năm (vườn tạp) thì xác định loại cây nào có số lượng lớn nhất thì loại cây đó được tính là cây trồng chủ lực. Số lượng cây trồng chủ lực này được quy về mật độ chuẩn (đúng kỹ thuật canh tác) để tính 100% giá trị đơn giá (theo đúng giai đoạn sinh trưởng) của loại cây trồng chính theo quy định tại Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các loại cây trồng còn lại là cây trồng phụ và được tính như sau:

- Nếu cây trồng chủ lực chưa đạt 50% số lượng cây/diện tích thửa đất (theo đúng kỹ thuật canh tác) thì cây trồng phụ được tính 80% giá trị cây trồng.

- Nếu cây trồng chủ lực từ 50-70% số lượng cây/diện tích thửa đất (theo đúng kỹ thuật canh tác) thì cây trồng phụ được tính 70% giá trị cây trồng.

- Nếu cây trồng chủ lực đạt trên 70% số lượng cây/diện tích thửa đất (theo đúng kỹ thuật canh tác) thì cây trồng phụ được tính 60% giá trị cây trồng.

(Cây trồng chủ lực và cây trồng phụ được tính theo đúng giai đoạn sinh trưởng và chủng loại cây trồng).